

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2022-HSST

Ngày: 26-10-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông: Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Bùi Quốc Kiên

Bà: Nguyễn Thị C

-Thư ký phiên toà: Ông: Phạm Viết Chiến - Thư ký Toà án nhân dân thị xã N – T.

- Đại diện VKSND thị xã N tham gia phiên toà:

Bà: Nguyễn Thị Hoa - chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 26/10/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N - T, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 113/2022/HSST ngày 19/9/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2022/ TLST- HS ngày 05/10/2022 đối với bị cáo:

Lê Văn A; Sinh năm 1987 tại phường Hải Thanh, thị xã N, T; nơi cư trú: TDP Thượng Hải, phường Hải Thanh, thị xã N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; giới tính: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Vững và bà: Nguyễn Thị Cảnh; vợ, con: chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 14/5/2020, bị TAND huyện huyện Tĩnh Gia (*nay là TAND thị xã N*) xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 41/2020/HS-ST. Ngày 01/8/2021 A chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2022 đến ngày 08/6/2022 được thay thế biện pháp tạm giam bằng cho bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

- Bà Nguyễn Thị Cảnh. Sinh năm 1961 (có mặt)

Trú tại: TDP Thượng Hải, phường Hải Thanh, thị xã N, tỉnh T

** Người bào chữa cho bị cáo*

- Ông: Lê Khắc Hải - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 3, Trung B trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

** Bị hại:*

- Anh: Nguyễn Văn B - Sinh năm 1974 (vắng mặt)

Trú tại: TDP C Hòa, phường Hải Hòa, thị xã N, tỉnh T.

- Anh: Lê Văn C. Sinh năm 1981. (vắng mặt)

Trú tại: TDP Xuân Hòa, phường Hải Hòa, thị xã N, tỉnh T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Cảnh. Sinh năm 1961 (có mặt)

Trú tại: TDP Thượng Hải, phường Hải Thanh, thị xã N, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 10/02/2022, Lê Văn A điều khiển xe mô tô Shozuka, màu đen - xám, biển kiểm soát 36U1-0701 đi đến phường Hải Hòa, thị xã N. Khi đi đến nhà anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1974, ở tổ dân phố C Hòa, quan sát thấy cửa chính và cửa cổng đóng, trong hiên nhà có ánh đèn điện và treo 01 lồng chim Khướu và 01 lồng chim Cu, A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên trèo tường vào hiên nhà xách trộm 02 lồng chim đem về nhà nuôi

Đến đêm 12/02/2022 rạng sáng ngày 13/02/2022 A tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô nêu trên đi đến phường Hải Hòa, thị xã N. Khi đi đến nhà anh Lê Văn C, sinh năm 1981, ở tổ dân phố Xuân Hòa, quan sát thấy cửa cổng đóng, cửa chính mở và có ánh đèn mờ, xung quanh không có ai A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên trèo tường vào trong nhà. Đến phòng ngủ của anh C, thấy vợ chồng anh C đang ngủ, trên nóc loa kéo ở góc phòng có 01 chiếc điện thoại Realme C12, màu xanh của anh C, bên trong lắp số sim 0896.512.322 đang sạc pin, A rút sạc pin lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi đem về nhà sử dụng.

Kết quả định giá tài sản xác định chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme C12, màu xanh Lê Văn A đã trộm cắp của anh Lê Văn C có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.615.000 đồng; 01 chiếc lồng chim hình trụ, đáy hình tròn đường kính 50cm, cao 100cm, làm bằng gỗ, sơn màu nâu, bên trong nuôi nhốt 01 con chim khướu màu đen có giá trị 800.000 đồng; 01 chiếc lồng chim hình hộp vuông có mái chùa, cạnh dài 50cm, cao 90cm, làm bằng gỗ, sơn màu nâu, bên trong nuôi nhốt 01 con chim cu màu xám có giá trị 650.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Văn A có biểu hiện mắc bệnh B thần và đã đi điều trị tại Bệnh viện B thần T từ ngày 23/3/2022 đến ngày 18/4/2022, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định B thần đối với A. Tại Kết luận giám định pháp y B thần số 201/KLGD, ngày 13/7/2022, Viện pháp y B thần Trung ương kết luận: Trước,

trong khi thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 10/02/2022 và ngày 13/02/2022 và tại thời điểm giám định Lê Văn A bị bệnh chậm phát triển B thần nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên Lê Văn A hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn A đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, tự nguyện giao nộp số tài sản đã chiếm đoạt.

Về nguồn gốc chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Shozuka, màu đen - xám, biển kiểm soát 36U1-0701 A sử dụng làm phương tiện phạm tội, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của bà Nguyễn Thị Cảnh, sinh năm 1961, trú tại tổ dân phố Thượng Hải, phường Hải Thanh, thị xã N (là mẹ A). Ngày 10 và 13/02/2022 bà Cảnh để xe ở nhà, ăn cơm tối xong bà Cảnh đi ngủ A tự ý lấy xe đi bà Cảnh không biết nên không có lỗi.

*** Về vật chứng của vụ án:**

Quá trình điều tra đã thu giữ, tạm giữ các vật chứng do Lê Văn A giao nộp gồm, gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme C12, màu xanh, bên trong lắp số sim 0896.512.322; 01 chiếc lồng chim hình trụ, đáy hình tròn làm bằng gỗ, sơn màu nâu, bên trong nuôi nhốt 01 con chim khướu màu đen và 01 chiếc lồng chim hình hộp vuông có mái làm bằng gỗ, sơn màu nâu, bên trong nuôi nhốt 01 con chim cu màu xám. Bà Nguyễn Thị Cảnh giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Shozuka, màu đen - xám, biển kiểm soát 36U1-0701 để phục vụ quá trình điều tra.

Sau khi xác minh nguồn gốc và định giá tài sản, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản trên cho các bị hại Nguyễn Văn B, anh Lê Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Cảnh. Anh B, anh C, bà Cảnh đã nhận lại tài sản, không yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự.

Tại Bản Cáo trạng số 130/CT-VKSNS ngày 04/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N truy tố bị cáo Lê Văn A về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

*** Áp dụng:** điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, s, q khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS, Đề nghị xử phạt: Lê Văn A 9 tháng đến 12 tháng tù.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

*** Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo:** Bà Nguyễn Thị Cảnh là mẹ đẻ của bị cáo A, vào buổi tối ngày 10/02/2022 và ngày 13/02/2022 bà có nhìn thấy bị cáo A mang 2 con chim cảnh cùng lồng chim và điện thoại di động về nhà, sau đó bị cáo A mang đi giao nộp, hành vi của bị cáo A là vi phạm pháp

luật, do hiện nay bị cáo A là người hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo A.

* Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo A: Thống nhất với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố, thống nhất với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát áp dụng đối với bị cáo A. Tuy nhiên do bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai không nhớ được được toàn bộ nội dung vụ án, tuy nhiên bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thị xã N, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, Điều tra viên, Kiểm sát viên VKSND thị xã N trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, tối ngày 10/02/2022, Lê Văn A đã lén lút đột nhập vào gia đình anh Nguyễn Văn B ở tổ dân phố C Hòa, phường Hải Hòa, thị xã N trộm cắp 01 chiếc lồng nuôi nhốt 01 con chim khướu màu đen và 01 chiếc lồng nuôi nhốt 01 con chim cu màu xám, với tổng trị giá 1.450.000 đồng;

Tiếp đó vào đêm ngày 12/02/2022 rạng sáng ngày 13/02/2022, A đã đột nhập vào nhà anh Lê Văn C ở tổ dân phố Xuân Hòa, phường Hải Hòa, thị xã N trộm cắp 01 chiếc điện thoại, nhãn hiệu Realme C12 màu xanh, bên trong lắp số sim 0896.512322, trị giá 1.615.000 đồng. Tổng giá trị Lê Văn A trộm cắp 02 lần là 3.065.000 đồng.

Mặc dù giá trị tài sản Lê Văn A chiếm đoạt mỗi lần dưới 2.000.000 đồng, nhưng trước đó A đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục vi phạm nên Lê Văn A phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn điều tra bị cáo Lê Văn A thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo lại khai không nhớ được nội dung vụ việc đã diễn ra, không nhớ được đã vào nhà anh B và anh C trộm cắp chim cảnh và điện thoại di động. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Cảnh (mẹ đẻ bị cáo) khẳng định: Nhìn thấy bị cáo A mang 02 con chim cùng lồng chim và điện thoại di động về nhà, sau đó bị cáo A đã đem giao nộp. Lời khai của bà Cảnh phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được, phù hợp với lời khai của người bị hại,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả định giá tài sản và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quyết định truy tố và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là hoàn toàn có cơ sở. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hành vi của Lê Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" Tội danh và hình phạt áp dụng được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Tính chất vụ án:

Bị cáo vì động cơ mục đích tư lợi nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm thể hiện sự coi thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Trong các ngày 10, 12/2/2022 bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, tuy nhiên đây đã được xác định là tình tiết định tội.

* *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại số tài sản đã chiếm đoạt. Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s,q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm cho bị cáo 1 phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thể giáo dục cải tạo trở thành người lương thiện. Thời gian bị cáo bị tạm giữ tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã chiếm đoạt của gia đình anh Nguyễn Văn B 01 chiếc lồng chim bên trong nuôi nhốt 01 con chim khướu màu đen và 01 chiếc lồng chim bên trong nuôi nhốt 01 con chim cu màu xám, tổng trị giá 1.450.000 đồng; chiếm đoạt của gia đình anh Lê Văn C 01 chiếc điện thoại trị giá 1.615.000 đồng. Đồng thời bị cáo còn sử dụng chiếc xe mô tô của bà Nguyễn Thị Cảnh (là mẹ đẻ) để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Trong quá trình điều tra số tài sản trên đã được thu hồi trả lại, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ : 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme C12, màu xanh, bên trong lắp số sim 0896.512.322; 01 chiếc lồng chim hình trụ, đáy hình tròn làm bằng gỗ, sơn màu nâu, bên trong nuôi nhốt 01 con chim khướu màu đen và 01 chiếc lồng chim hình hộp vuông có mái làm bằng gỗ, sơn màu nâu, bên trong nuôi nhốt 01 con chim cu màu xám; 01 xe mô tô nhãn hiệu Shozuka, màu đen - xám, biển kiểm soát 36U1-0701 để phục vụ quá trình điều tra.

Sau khi xác minh nguồn gốc và định giá tài sản, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản trên cho các bị hại Nguyễn Văn B, anh Lê Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Cảnh là phù hợp.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b,s,q khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Lê Văn A phạm tội " Trộm cắp tài sản".

* Xử phạt: Lê Văn A 10 (mười) tháng tù. (được trừ thời giam tạm giam từ ngày 21/4/2022 đến ngày 08/6/2022). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị hại anh Nguyễn Văn B, anh Lê Văn C đã nhận đủ tài sản do bị cáo chiếm đoạt.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Buộc bị cáo Lê Văn A nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người bào chữa cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo các điều 6,7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND thị xã N;
- VKSND tỉnh T;
- Công an thị xã N;
- CQ THAHS TX N;
- CCTHADS TX N;
- UBND nơi BC cư trú;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận

HỘI THẨM NHÂN DÂN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận

